

Bản án số: 88/2023/HNST
Ngày: 21-6-2023
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Đoàn Thế Dũng
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Đặng Song Hoàn
Ông Nguyễn Văn Hải
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.
- ***Đại diện VKSND TP.Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 21-6-2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 45/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2023/QĐSTXX-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/QĐ-HPT ngày 02-6-2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1981.
Địa chỉ: A, đường Bình Giã, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
- ***Bị đơn:*** Ông Lê Minh H, sinh năm 1979.
Địa chỉ: Tổ 12, Khu phố 1, đường H, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. ***Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:*** Sau một thời gian quen biết và tìm hiểu, năm 2001 bà và ông Lê Minh H sống chung với nhau như vợ chồng, đến năm 2004, bà và ông H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND Phường M, thành phố Vũng Tàu, có tổ chức đám cưới. Vợ chồng sống với nhau tương đối hạnh phúc đến năm 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông H không tu chí làm ăn, thường xuyên chơi bài bạc, chơi đề, đá gà, bỏ bê vợ con, bà đã nhắc nhở, khuyên bảo

nhiều lần nhưng ông H không thay đổi và chuyển về nhà mẹ đẻ ông H tại địa chỉ: 46, Tổ 12, Khu phố 1, đường H, Phường M, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu sinh sống, do vậy, cuối năm 2022, bà đã có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng bà lại rút đơn để vợ chồng hàn gắn nhưng ông H vẫn không thay đổi. Nay nhận thấy tính cách hai bên không thể hòa hợp, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắn nên bà có đơn khởi kiện ông H yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Lê Minh H.

Về con chung: Bà và ông H có 04 con chung, gồm: Lê Thị Tuyết L, sinh ngày 17-02-2001; Lê Đức T1, sinh ngày 30-10-2007; Lê Đức Th, sinh ngày 30-12-2013 và Lê Đức T, sinh ngày 30-12-2013.

Ly hôn, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 03 con chung, gồm: Lê Đức T; Lê Đức Th; Lê Đức T1 và bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Riêng Lê Thị Tuyết Liên đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận làm việc nuôi con nên bà có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn ông Lê Minh H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

3. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

- Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T và ông H là có thật nguyên nhân theo bà T cho rằng do ông H ham chơi đề đóm, cờ bạc, không lo làm ăn, không quan tâm gì đến vợ con gia đình dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Bà T và ông H có 04 con chung, gồm: Lê Thị Tuyết L; Lê Đức T1; Lê Đức T và Lê Đức T1. Cháu L đã trưởng thành, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi 03 con chung, gồm cháu T1, cháu Th và cháu T, không yêu cầu ông H cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Tuyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Lê Minh H tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND Phường M, thành phố Vũng Tàu. Nay bà T có đơn yêu cầu ly hôn với ông H. Ông H cư trú, sinh sống tại Vũng Tàu. Do đó, xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt xét xử lần 2 và nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Xét nội dung các yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND Phường 11, thành phố Vũng Tàu, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 97 ngày 21-10-2004 nên hôn nhân là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà T cho rằng, vợ chồng sống hạnh phúc cho đến năm 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, bà đã gửi đơn ly hôn nhưng lại rút đơn để về hàn gắn tình cảm nhưng ông H không thay đổi vẫn ham chơi đề dóm, cờ bạc, , không lo làm ăn, không quan tâm gì đến vợ con gia đình nên bà tiếp tục có đơn yêu cầu ly hôn với ông Hải.

Theo xác minh tại địa phương xác nhận, bà T, ông H và 04 con cư trú tại Tổ 9, Khu phố B, Phường M, thành phố Vũng Tàu. Khoảng 05 năm trở lại đây, bà T và ông H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nên năm 2021, ông H đã trở về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, không quay trở lại. Bà T và các con vẫn sinh sống tại địa chỉ trên, các con của bà T vẫn đi học và phát triển bình thường.

Xét tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng bà T, ông H là có thật. Bà T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn, còn ông H trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông H không có mặt thể hiện việc bỏ mặc, không quan tâm đến hôn nhân của mình với bà T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Bà T và ông H có 04 con chung, gồm: Lê Thị Tuyết L, sinh ngày 17-02-2001; Lê Đức T1, sinh ngày 30-10-2007; Lê Đức Th, sinh ngày 30-12-2013 và Lê Đức T, sinh ngày 30-12-2013. Hội đồng xét xử xét, cháu L đã trưởng thành nên không giải quyết. Các cháu là Lê Đức T1; Lê Đức Th và Lê Đức Tr giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H không cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trên cơ sở yêu cầu của một hoặc các bên đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo qui định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2, 3 Điều 36; Điều 39; Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Tuyên xử:

[1]. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Lê Minh H

[2]. Về con chung: Bà T và ông Hải có 04 con chung, gồm: Lê Thị Tuyết L, sinh ngày 17-02-2001; Lê Đức T1, sinh ngày 30-10-2007; Lê Đức Th, sinh ngày 30-12-2013 và Lê Đức Tr, sinh ngày 30-12-2013. Hội đồng xét xử, cháu L đã trưởng thành nên không giải quyết. Các cháu là Lê Đức T1; Lê Đức Th và Lê Đức T giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H không cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trên cơ sở yêu cầu của một hoặc các bên đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo qui định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003789 ngày 09-02-2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vũng Tàu. Bà Tuyết đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục thi hành án DS TP. Vũng Tàu;
- UBND Phường M, thành phố Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thế Dũng